

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 4 - 2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Úc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1162/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp M1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* 1. Bà Kiên Thị C1, sinh năm 1951 (vắng mặt).

2. Ông Thạch S1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Kiên Thị C1 và ông Thạch S1:* Ông Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1956 theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 8 năm 2018 (có mặt).

Địa chỉ: thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị X1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2. Ông Thạch P1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp cho bà Thạch Thị X1:* Ông Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1956 theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 8 năm 2018 (có mặt).

Địa chỉ: thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho ông Thạch P1:* Bà Kiên Thị C1, sinh năm 1951 theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 7 năm 2018 (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Diệp Thị T, sinh năm 1941 (vắng mặt).

4. Bà Diệp Thị Q, sinh năm 1945 (vắng mặt).

5. Bà Diệp Thị N, sinh năm 1951 (vắng mặt).

6. Ông Diệp M, sinh năm 1954 (vắng mặt).

7. Ông Diệp U, sinh năm 1959 (vắng mặt).

8. Ông Diệp C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị Q, bà Diệp Thị N, ông Diệp M, ông Diệp U, ông Diệp C:* Ông Diệp M1, sinh năm 1954 theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 4 năm 2017 (có mặt).

Địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

9. Bà Diệp Thị N, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Diệp Thị N:* Ông Diệp M1, sinh năm 1954, theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2018 (có mặt).

10. Bà Kiên Thị U, sinh năm 1941 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

11. Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, có trụ sở tại đường 3 tháng 2, khóm 7, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú: Ông Lê Hồng Phúc - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú (xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch C1 – Công tác tại Ủy ban nhân dân

phường 8, thành phố Trà Vinh làm phiên dịch tiếng khmer (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – ông Diệp M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 22 tháng 4 năm 2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Diệp M1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh là của ông bà ngoại ông là ông Thạch Hanh và bà Thạch Thị Huỳnh chết để lại cho mẹ ông là bà Thạch Thị Thanh diện tích 13.000m², trong đó có diện tích 400m² đang tranh chấp. Trên phần đất này, ông Hanh có cho ông Thạch Pon là ông ngoại của bà Kiên Thị C1 mượn một nền đất để cất nhà ở diện tích khoảng 177m², thời gian cho mượn đất ở năm nào thì ông không biết, không có làm giấy tờ chỉ nói miệng. Quá trình sử dụng đất, bà Thanh có kê khai đăng ký thửa đất số 388, tờ bản đồ số 3, diện tích 13.000m², tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú. Năm 2010, phần đất trống còn lại thuộc thửa số 676, diện tích 220,2m² bà C1 dự định cất nhà cho con là bà Thạch Thị X1 thì ông ngăn cản nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do ông đi làm ăn xa, nên năm 2015 bà C1 đã cất lại nhà tường kiên cố trên nền đất cũ thuộc thửa số 676. Được sự đồng ý của các anh em ông cho ông được hưởng toàn bộ phần diện tích đất thuộc thửa số 676. Nên ông yêu cầu bà C1 phải trả lại phần đất 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thuộc thửa số 676, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho ông (Trong đó, có ½ căn nhà và sân diện tích 44,6m², yêu cầu trả giá trị đất diện tích 44,6m² và trả đất diện tích 175,6m²). Đối với, diện tích 179,8m² thuộc một phần của thửa số 676 đang tranh chấp thì ông đồng ý cho bà C1 sử dụng vì bà C1 đã cất nhà kiên cố vào năm 2015. Đồng thời ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp cho hộ ông Thạch S1 chồng bà C1 vào ngày 05/5/2003.

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2011 của bị đơn bà Kiên Thị C1 và các lời khai của ông Nguyễn Tiến L1 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh của mẹ bà C1 là bà Thạch Thị És sử dụng từ trước năm 1945. Đến năm 1977 bà És để lại cho bà C1 sử dụng. Quá trình sử dụng đất bà C1 có kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/5/2003 với diện tích 400m², thửa số 676. Trên phần đất tranh chấp 220,2m² bà Thạch Thị Uôi là chị bà C1 có cất chuồng bò và bếp nấu

ăn nhưng hiện nay không còn giá trị sử dụng nên bà Uôi không có yêu cầu gì. Nguồn gốc đất là của gia đình bà C1 và gia đình bà C1 đã sử dụng đất liên tục trong thời gian dài không có ai tranh chấp. Nên bà C1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C1 yêu cầu công nhận diện tích đất 220,2m² cho bà C1 và ông Su.

Bị đơn ông Thạch S1 đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Tiến L1 nên không có lời trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía nguyên đơn bà Diệp Thị Tiền, bà Diệp Thị Quang, bà Diệp Thị Nhơn, ông Diệp Mung, ông Diệp Út, ông Diệp Chính, bà Diệp Thị Nhung có lời trình bày và yêu cầu như nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn bà Thạch Thị X1 và ông Thạch P1 có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn.

Tại Công văn số: 770/UBND-NC ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, cho rằng: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 676, diện tích 400m², tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân cho hộ ông Thạch S1 được Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang (cũ) thực hiện thủ tục hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính và Quyết định số 245/2003/QĐ-UBH ngày 05/5/2003. Tuy nhiên, xét về trình tự thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thạch S1 đối với thửa đất số 676, diện tích 400m², tờ bản đồ số 8, ông Thạch S1 không trực tiếp ký tên vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất, ông Su khẳng định chữ ký trong đơn đăng ký không phải của ông mà do ông Sơn Ngọc Minh, nguyên là công chức Địa chính – Xây dựng xã Hàm Giang (cũ) ký thay, việc ông Minh ký tên thay ông Su không thông qua việc xác lập theo sự ủy quyền được quy định tại khoản 1, Điều 151 của Bộ luật dân sự năm 1995 là không đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân kiến nghị Tòa án trong quá trình xét xử cần xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy Ban nhân dân huyện Trà Cú cấp cho hộ ông Thạch S1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 28/03/2019, Tòa án nhân dân Tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp M1, yêu cầu bà C1 phải trả lại diện tích đất 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thuộc thửa số 676, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ - trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp cho hộ ông Thạch S1 ngày 05/5/2003.

2. Công nhận diện tích đất 220,2m², thuộc một phần của thửa số 676, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của hộ bà Kiên Thị C1 và ông Thạch S1. Vị trí tứ cận đất như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 676 có số đo 20m.
- Hướng Tây giáp thửa số 669 có số đo 19m.
- Hướng Nam giáp thửa số 677 có số đo 11,3m.
- Hướng Bắc giáp thửa số 670 có số đo 11,3m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh đề thi hành).

3. Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Bà Kiên Thị C1 và ông Thạch S1 không yêu cầu giải quyết công cải tạo đất và phân đất đã đổ trên diện tích đất tranh chấp 220,2m² nên không đặt ra đề giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/04/2019, ông Diệp M1 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, lý do: Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ông, mẹ ông chết năm 2009 không để lại di chúc, thì diện tích đất trên thuộc thừa kế, tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của mẹ ông vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không rút đơn kháng cáo; Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Phía nguyên đơn không có chứng cứ nào xác định diện tích tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm có kháng cáo của đương sự trong vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về nội dung:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và sơ đồ khu đất thì phần đất tranh chấp thực đo theo sự hướng dẫn chỉ ranh của các đương sự có diện tích 220,2m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24/01/2011, bà C1 khởi kiện ông M1 tranh chấp quyền sử dụng đất, ông M1 có đơn yêu cầu phản tố nên tư cách tham gia tố tụng trong vụ án được xác định bà C1 là nguyên đơn, ông M1 là bị đơn có yêu cầu phản tố. Ngày 27/11/2017 bà C1 rút đơn khởi kiện, tại quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện số: 33/2017/QĐST-DS ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C1. Do đó, tư cách tham gia tố tụng trong vụ án được xác định lại ông M1 là nguyên đơn, bà C1 và ông Su là bị đơn.

Ông M1 cho rằng, nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh là của ông bà ngoại ông là ông Thạch Hanh và bà Thạch Thị Huỳnh chết để lại cho mẹ ông là bà Thạch Thị Thanh diện tích 13.000m², lúc còn sống trước năm 1975 ông Hanh và bà Huỳnh có cho ông Thạch Pon là ông ngoại của bà C1 mượn một phần đất để cất nhà ở tạm, sau đó bà C1 và chồng là ông Su tiếp tục sử dụng, kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thạch S1 thửa số 676, diện tích 400m² vào ngày 05/5/2003, do đó gia đình ông không có sử dụng đất tranh chấp từ năm 1977 cho đến nay. Xét thấy, ngoài lời khai miệng ra ông M1 không cung cấp được chứng cứ gì có giá trị chứng minh cho lời khai của mình. Còn bà C1 thì không thừa nhận lời khai của ông M1.

Theo bà C1 khai, năm 1977 mẹ bà là bà Thạch Thị És (chết) có để lại cho bà sử dụng phần đất tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất, bà có kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/5/2003 với diện tích là 400m², thửa số 676 cho hộ ông Su là chồng của bà. Xét thấy, ông Thạch Pon là ông ngoại của bà C1 và ông Kiên Cút, bà Thạch Thị És là cha mẹ của bà C1 sử dụng đất từ trước năm 1945, sau đó để đất lại cho bà C1 và ông Su sử dụng từ năm 1977 cho đến nay là có thật, sự việc này đều được các đương sự thừa nhận, như vậy tính mốc thời gian từ năm 1977 cho đến ngày Ủy ban nhân dân xã Hàm Tân hòa giải theo đơn xin giải quyết của bà Kiên Thị C1 là ngày 17/8/2010 thì gia đình bà C1 đã sử dụng đất ổn định liên tục 33 năm (bút lứt số 09, 10). Theo quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không

có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” và Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”. Đối chiếu với quy định trên, thì việc bà C1 và ông Su yêu cầu công nhận diện tích đất 400m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho ông bà là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông M1 là không có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, qua đối chiếu kết quả cung cấp thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh tài liệu đo đạc năm 1995, thửa số 676, tờ bản đồ số 8, diện tích 177m² chủ sử dụng đất ông Thạch S1, tương ứng với tư liệu đo đạc năm 1983 là một phần của thửa số 388, tờ bản đồ số 3, diện tích 13.000m² chủ sử dụng đất là bà Thạch Thị Thanh (ghi theo sổ đăng ký ruộng đất 5B). Theo Công văn số: 392/UBND- NC ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, thì việc thay đổi diện tích, chủ sử dụng đất giữa tư liệu đo đạc năm 1983 với tư liệu đo đạc năm 1995 do chủ sử dụng đất tự làm thay đổi trong quá trình sử dụng đất, tự phân chia trong nội bộ thân tộc, làm thay đổi ranh giới hình thể thửa đất trong khoảng thời gian sau thời kỳ đo đạc năm 1983 và trước thời kỳ đo đạc năm 1995 nên diện tích giữa hai thời kỳ đo đạc khác nhau và không có hồ sơ biến động đất đai. Việc ghi nhận ông Su kê khai đăng ký năm 1995 diện tích 177m², thửa số 676, loại đất ở nông thôn nhưng thực tế thửa số 676, diện tích 400m², trong đó đất ở nông thôn diện tích 117m², đất trồng cây lâu năm diện tích 283m². Việc thay đổi diện tích trên là do sai sót trong quá trình lập đơn kê khai đăng ký năm 1995 (ghi sai số từ diện tích 117m² sang diện tích 177m²) không có hồ sơ biến động đất đai (bút lục số 78).

Tại Công văn số: 770/UBND-NC ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, cho rằng về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Su đối với thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, do ông Su không trực tiếp ký tên vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất mà do ông Minh ký tên thay ông Su không thông qua việc xác lập theo sự ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 151 của Bộ luật dân sự năm 1995 là không đúng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú kiến nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Su (bút lục số 239). Xét thấy, như nhận định ở phần trên thì yêu cầu khởi kiện của ông M1 là không có căn cứ để chấp nhận, công nhận diện tích đất tranh chấp 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thửa số 676, tờ bản đồ số 8, tọa

lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho bà C1 và ông Su nên không cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 676, diện tích 400m², tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp cho hộ ông Su ngày 05/5/2003. Do đó, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M1 cũng không có cơ sở để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà C1, ông Su và ông Lê là người đại diện hợp pháp cho bà C1, ông Su cho rằng, quá trình sử dụng đất bà C1 và ông Su có cải tạo và đổ đất trên diện tích đất tranh chấp 220,2m². Nhưng đổ bao nhiêu đất thì không xác định được nên không yêu cầu giải quyết phần cải tạo đất và đất đã đổ. Xét thấy, bà C1 và ông Su không yêu cầu giải quyết phần đất đã đổ trên diện tích đất tranh chấp 220,2m² nên không đặt ra để giải quyết.

Từ các nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp M1.

[3]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, với nhận định như nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Diệp M1 được miễn phí án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo ông Diệp M1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; Điều 153; Điều 157; khoản 1, 6 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 122; Điều 127 và Điều 247 của Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Căn cứ

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp M1, yêu cầu bà C1 phải trả lại diện tích đất 220,2m² nằm trong tổng diện tích 400m², thuộc thửa số 676, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ - trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp cho hộ ông Thạch S1 ngày 05/5/2003.

2. Công nhận diện tích đất 220,2m², thuộc một phần của thửa số 676, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Vàm Rây, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của hộ bà Kiên Thị C1 và ông Thạch S1. Vị trí tứ cận đất như sau:

- Hướng Đông giáp thửa số 676 có số đo 20m.
- Hướng Tây giáp thửa số 669 có số đo 19m.
- Hướng Nam giáp thửa số 677 có số đo 11,3m.
- Hướng Bắc giáp thửa số 670 có số đo 11,3m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh để thi hành).

3. Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Bà Kiên Thị C1 và ông Thạch S1 không yêu cầu giải quyết công cải tạo đất và phần đất đã đổ trên diện tích đất tranh chấp 220,2m² nên không đặt ra để giải quyết.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Diệp M1 được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hùng

Hoàng Minh Thịnh

Trần Xuân Minh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (Án-TLQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh